

Bản án số 137/2024/DS-PT

Ngày 06 – 8 – 2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán:

Ông Cao Văn Hiếu

Bà Trần Thị Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Huỳnh Mạnh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06-8-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2024/TBTL-VA ngày 07-3-2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 22-01-2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2024/QĐ-PT ngày 07-5-2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị Mỹ L**, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Số 79 đường E, phường F, quận G, thành phố Đà Nẵng; *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm: 1989; Địa chỉ: 141 I, phường M, quận D, thành phố Đà Nẵng; theo Giấy uỷ quyền lập ngày 24-5-2024 tại Văn phòng công chứng Huỳnh Bá D1; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Sĩ K**, sinh năm: 1974; Địa chỉ: 461 đường N, phường Q, quận D, thành phố Đà Nẵng; *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Thái Quốc V, sinh năm: 1984; Địa chỉ: 27 P, tổ 45, phường O, quận D, thành phố Đà Nẵng; theo Giấy uỷ quyền lập ngày 21-9-2023 tại Văn phòng công chứng Trọng T; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH MTV A; Địa chỉ: Đường U, phường V, quận X, thành phố Đà Nẵng. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Võ Ngọc C, chức vụ: Giám đốc; vắng mặt

** Người kháng cáo: Bị đơn – Ông Nguyễn Sĩ K.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - bà Đặng Thị Mỹ L và Người đại diện theo uỷ quyền trình bày tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án:*

Năm 2019, do quen biết với ông Nguyễn Sĩ K nên khi ông K cần tiền đáo hạn Ngân hàng, ông K có vay mượn của bà Đặng Thị Mỹ L số tiền 14.000.000.000đ.

Tháng 01-2023, ông Nguyễn Sĩ K có làm giấy xác nhận có vay của bà L số tiền 14.000.000.000đ, đến ngày 12-01-2021 tiền lãi là 3.420.000.000đ, ông K đã trả cho bà L 1.200.000.000đ tiền lãi. Tổng cộng ông K còn nợ số tiền là 16.220.000.000đ. Trong đó tiền gốc là 14.000.000.000đ, tiền lãi là 2.220.000.000đ và cam kết trả nợ cho bà L mỗi tháng 500.000.000đ. Tuy nhiên, từ tháng 01-2023 đến khi khởi kiện, ông K không trả nợ cho bà L như cam kết.

Bà L đồng ý không tính lãi từ ngày 12-01-2021 đến ngày 12-01-2023 với điều kiện mỗi tháng ông K trả cho bà L 500.000.000đ, nhưng ông K không thực hiện. Do vậy, bà L khởi kiện yêu cầu ông K trả cho bà L tiền gốc 14.000.000.000đ, tiền lãi tính đến năm 2021 là 2.220.000.000đ (3.420.000.000đ - 1.200.000.000đ), tiền lãi chậm trả từ ngày 13-01-2021 đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bà L xác nhận ngày 12-01-2024 ông K đã trả cho bà L 500.000.000đ tiền gốc. Nay bà L yêu cầu ông K trả cho bà L 13.500.000.000đ tiền gốc và tiền lãi tính như sau:

- Tiền lãi từ ngày 13-01-2021 đến ngày 11-01-2024: $14.000.000.000đ \times 10\%/năm \times 1.094 \text{ ngày} = 4.196.164.384 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi từ ngày 12-01-2024 đến ngày 22-01-2024 là: $13.500.000.000đ \times 10\%/năm \times 11 \text{ ngày} = 40.684.932đ$.

Tổng cộng tiền gốc và lãi là 19.956.849.316đ và yêu cầu trả lãi chậm thanh toán cho đến khi thi hành xong toàn bộ khoản nợ.

Trong quá trình vay mượn tiền, ông K có thế chấp cho bà L 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô BKS số 43A-366.66 thuộc chủ sở hữu là Công ty TNHH MTV A (tài sản của ông Nguyễn Sĩ K góp vốn do công ty đứng tên).

Sau khi ông K thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ cho bà L thì bà L sẽ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS số 43A-366.66 cho ông Nguyễn Sĩ K và Công ty TNHH MTV A.

** Bị đơn – ông Nguyễn Sĩ K và Người đại diện theo uỷ quyền trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:*

Ông Nguyễn Sĩ K xác nhận năm 2019, ông có vay của bà Đặng Thị Mỹ L số tiền 14.000.000.000đ, sau đó ông K đã trả cho bà L 2.000.000.000đ tiền gốc. Như vậy, ông K chỉ còn nợ bà L 12.000.000.000đ tiền gốc.

Khi viết giấy nợ tiền ông K có thể chấp cho bà L 01 giấy đăng ký xe ô tô BKS số 43A-366.66 thuộc chủ sở hữu là Công ty TNHH MTV A.

Ngày 12-01-2024, ông K và bà L đã trao đổi, thỏa thuận và thống nhất lập biên bản phương án thỏa thuận như sau: Bà L đồng ý giảm phần tiền gốc xuống còn 12.000.000.000đ, không tính lãi; phương án thanh toán: Tại thời điểm ký thỏa thuận, thanh toán số tiền 500.000.000đ. Hai (2) tháng tiếp theo, mỗi tháng thanh toán 500.000.000đ, bắt đầu từ tháng thứ 3 mỗi tháng thanh toán 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) trước ngày 12 dương lịch hàng tháng cho đến khi đủ số tiền 12.000.000.000đ.

Ngày 12-01-2024, ông K đã thanh toán cho bà L 500.000.000đ tiền gốc. Như vậy, hiện ông K xác nhận còn nợ bà L số tiền gốc là 11.500.000.000đ.

Do ông K không vi phạm cam kết thỏa thuận lập ngày 12-01-2024 nên bà L yêu cầu trả tiền gốc và tiền lãi 19.956.849.316đ ông K không đồng ý.

Ông K đồng ý trả tiền gốc là 11.500.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 12-01-2024 đến ngày 22-01-2024 là 11 ngày, theo lãi suất 10%/năm, trên số tiền gốc là 11.500.000.000đ.

Ngày 12-01-2024, ông K và bà L đã ký Biên bản thỏa thuận, theo biên bản hai bên thống nhất phương án thỏa thuận có điều kiện và ông K đã thực hiện đúng thỏa thuận, ngày 12-01-2024 ông K đã thanh toán cho bà L 500.000.000đ tiền gốc, tháng tiếp theo chưa đến ngày thanh toán (ngày 12-02-2024). Ông K yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận Biên bản thỏa thuận lập ngày 12-01-2024 giữa bà L và ông K.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận D đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo thụ lý bổ sung, thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH MTV A. Tuy nhiên, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay Công ty TNHH MTV A không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.

** Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 22-01-2024 như sau:*

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468, 105, 106 và 115 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Mỹ L đối với ông Nguyễn Sĩ K về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1. Buộc ông Nguyễn Sĩ K phải có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Mỹ L số tiền là 17.172.351.276đ. Trong đó, tiền gốc là 13.500.000.000đ, tiền lãi là 3.672.351.276đ.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Buộc bà Đặng Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS số 43A-366.66 đứng tên chủ sở hữu Công ty TNHH MTV A cho Công ty TNHH MTV A sau khi ông Nguyễn Sĩ K thanh toán xong toàn bộ khoản tiền trên cho bà L.

4. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi từ ngày 13-01-2021 đến 12-01-2023 với lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc 14.000.000.000đ, với số tiền lãi là 2.784.498.040đ.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Sĩ K phải chịu là 125.172.351đ.

5.2. Án phí dân sự sơ thẩm bà Đặng Thị Mỹ L phải chịu là 87.689.960đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 124.220.000đ.

5.3. Hoàn trả cho bà Đặng Thị Mỹ L 36.530.040đ tiền tạm ứng án phí, đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000768 ngày 29-6-2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* *Đơn kháng cáo:* Ngày 05-02-2024, bị đơn ông Nguyễn Sĩ K kháng cáo bản án sơ thẩm nói trên và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn theo “Biên bản thỏa thuận” ngày 12-01-2024, từ đó xác định số tiền gốc ông K còn nợ bà Đặng Thị Mỹ L tính đến thời điểm đó là 11.500.000.000đ.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Sĩ K, sửa bản án sơ thẩm theo số tiền hai bên đã thống nhất là 9.500.000.000đ tại văn bản gửi Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn đồng thời là người kháng cáo - ông Nguyễn Sĩ K có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH MTV A đã được Toà án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự này.

[2] Bà Đặng Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết yêu cầu ông Nguyễn Sĩ K trả cho bà L số tiền gốc 13.500.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 22-01-2024, tổng cộng tiền gốc và lãi là 19.956.849.316đ.

Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử buộc ông Nguyễn Sĩ K phải trả cho bà Đặng Thị Mỹ L số tiền gốc 13.500.000.000đ và tiền lãi 3.672.351.276đ, tổng cộng là 17.172.351.276đ.

Ông Nguyễn Sĩ K kháng cáo bản án sơ thẩm và yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xác định số tiền gốc ông K còn nợ bà Đặng Thị Mỹ L tính đến ngày 12-01-2024 là 11.500.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, ông Nguyễn Sĩ K đã trả cho bà Đặng Thị Mỹ L số tiền là 2.000.000.000đ và bà L đã có “Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện” ngày 26-7-2024 gửi Toà án với nội dung bà L chỉ yêu cầu ông K phải trả 9.500.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Ông Nguyễn Sĩ K có “Văn bản đề xuất” ghi ngày 05-8-2024 gửi Toà án với nội dung xác định tính đến ngày 26-7-2024, ông K còn nợ bà Đặng Thị Mỹ L số tiền là 9.500.000.000đ và bà L không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bà Đặng Thị Mỹ L đến nay chỉ yêu cầu ông Nguyễn Sĩ K phải trả 9.500.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Ông K có văn bản xác nhận số tiền này và đồng ý trả nợ cho bà L. Do vậy, cần chấp nhận đơn kháng cáo của ông K; sửa bản án sơ thẩm theo số tiền hiện nay hai bên đã xác nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Sĩ K phải chịu trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 9.500.000.000đ, tương ứng với mức án phí quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 117.500.000đ.

Mặc dù tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bà Đặng Thị Mỹ L rút yêu cầu khởi kiện về phần tính lãi nhưng tại bản án sơ thẩm đã tuyên bà L phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu tính lãi không được chấp nhận là 2.784.498.040đ nên vẫn phải chịu khoản tiền án phí sơ thẩm đã tuyên theo quy định tại khoản 6 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nói trên.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Sĩ K không phải chịu do được chấp nhận yêu cầu kháng cáo theo khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[4] Quyết định của bản án sơ thẩm về: “Buộc bà Đặng Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS số 43A-366.66 đứng tên

chủ sở hữu Công ty TNHH MTV A cho Công ty TNHH MTV A sau khi ông Nguyễn Sĩ K thanh toán xong toàn bộ khoản tiền trên cho bà L” không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

[5] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 148, 293, khoản 3 Điều 296, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 587, 590 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Sĩ K;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 22-01-2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng *(do nguyên đơn giảm số tiền yêu cầu thanh toán)*:

1. Buộc ông Nguyễn Sĩ K phải có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Mỹ L số tiền là 9.500.000.000đ (chín tỷ, năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Buộc bà Đặng Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS số 43A-366.66 đứng tên chủ sở hữu Công ty TNHH MTV A cho Công ty TNHH MTV A sau khi ông Nguyễn Sĩ K thanh toán xong toàn bộ khoản tiền trên cho bà L.

3. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi từ ngày 13-01-2021 đến 12-01-2023 với lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc 14.000.000.000đ, với số tiền lãi là 2.784.498.040đ.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Sĩ K phải chịu là 117.500.000đ (một trăm mười bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Bà Đặng Thị Mỹ L phải chịu là 87.689.960đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 124.220.000đ theo biên lai thu tiền số 0000768

ngày 29-6-2023 và số tiền là 52.821.917đ theo biên lai thu tiền số 0001802 ngày 08-9-2023, điều của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị Mỹ L số tiền tạm ứng án phí còn lại là 89.351.957đ (tám mươi chín triệu, ba trăm năm mươi một nghìn, chín trăm năm mươi bảy đồng) theo các biên lai thu tiền nêu trên.

II. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Sĩ K không phải chịu; hoàn trả lại cho người đại diện theo uỷ quyền của ông K là ông Thái Quốc V số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn) đã nộp theo Biên lai thu số 0000637 ngày 05-02-2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- TAND Q. Cẩm Lệ, TPĐN;
- Chi cục THADS Q. Cẩm Lệ, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Thanh Mai